

**PL02 - DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THU - NỘP ĐỦ HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017-2018**  
(Kèm theo thông báo số 3190/ĐHK-THTC ngày 16/11/2017)

Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Tổng học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp	Học phí đã nộp tại BIDV	Học phí còn nợ
16050688	Vũ Kim Anh	01/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16050698	Đỗ Quỳnh Anh	08/12/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16050704	Vương Trung Ân	06/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16050706	Nghiêm Minh Châu	06/20/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16050711	Phạm Thị Thảo Chi	06/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16050726	Trần Hoàng Văn Hà	10/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16050743	Đào Lương Thủy Hiền	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16050765	Đỗ Thị Linh Linh	02/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	-	17,845,000
16050782	Bùi Bích Ngọc	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16050794	Trịnh Phong	09/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	-	17,845,000
16050801	Chu Minh Quang	10/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	-	18,880,000
16050829	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	11/10/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16050838	Trần Thâm Tuấn	11/25/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	-	17,845,000
16050840	Hoàng Thị Hồng Uyên	08/11/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16050850	Nguyễn Khánh Vy	01/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	-	17,845,000
16052344	Nguyễn Kim Chi	01/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16052350	Bùi Nguyệt Hoa	01/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16052351	Nguyễn Thu Hồng	07/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16052356	Vũ Duy Khánh	01/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	-	18,880,000
16052357	Phan Khánh Linh	09/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16052359	Nguyễn Vũ Thuý Linh	06/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16052361	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16052363	Đào Thị Hồng Nhung	02/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16052364	Vũ Thị Hồng Nhung	04/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16052365	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	19,640,000	-	19,640,000	-	19,640,000
16052368	Trịnh Thị Minh Thúy	01/10/1997	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16052369	Đỗ Minh Trang	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16052370	Lưu Minh Trang	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16052371	Nguyễn Anh Trung	01/31/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	-	18,880,000
16052374	Nguyễn Hoàng Tùng	05/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16052376	Lê Khánh Tường Vân	11/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	19,640,000	-	19,640,000	-	19,640,000
16051056	Nguyễn Việt Hoàng	09/19/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	-	17,500,000
16051125	Nguyễn Thanh Thảo	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16051150	Đông Quang Vinh	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16052337	Hoàng Thu Trang	11/21/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000
16052338	Nguyễn Đức Tùng	05/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	-	18,535,000